

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN E
TỈNH ĐẮKLẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2020/HS-ST
Ngày: 25-8-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN E

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Đỗ Xuân Cường
- Các Hội thẩm nhân dân:** Ông Hoàng Tuyển và ông Võ Ánh Sứ.
- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Năng Quân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện E.
- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện E tham gia phiên tòa:** Ông Trịnh Văn Hai - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2020 tại Phòng xử án - Tòa án nhân dân huyện E mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 60/2020/TLST-HS ngày 29 tháng 7 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2020/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2020/HSST-QĐ ngày 19 tháng 8 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ tên: Lương Văn M, sinh năm 1981; Tại tỉnh Nghệ An; Nơi ĐKHKTT: Bản Muộng, xã Ngọc Lâm, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An; Chỗ ở hiện nay: Không ổn định; Nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 4/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con Lương Văn Trường (Đã chết) và bà Lương Thị Long (Đã chết); Tiền án; Tiền sự: Không

Bị cáo bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện E bắt tạm giữ từ ngày 17/5/2020, chuyển tạm giam ngày 23/5/2020. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện E. Có mặt.

- **Người bào chữa cho bị cáo:** Ông Phùng Văn Hải - Trợ giúp viên pháp lý - Thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Đắk Lắk. Có mặt
- **Bị hại:** Anh Dương Văn T, sinh năm 1991; Địa chỉ: Thôn 2A, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt
- **Người làm chứng:**

1. Chị Dương Thị H, sinh năm 1987; Địa chỉ: Thôn 2A, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt

2. Anh Nguyễn Đức K, sinh năm 1982; Địa chỉ: Thôn 2A, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 11 giờ ngày 16/5/2020, Lương Văn M đi xe khách từ huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng về xã Cư Kbang, huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk, trên đường Hồ Chí Minh. Khoảng 03 giờ ngày 17/5/2020, M xuống xe ô tô khách tại xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Lúc này, M ngủ lại ở ven đường, khoảng 06 giờ ngày 17/5/2020, M thức dậy rồi đi bộ theo hướng Gia Lai đi Đắk Lắk, khi đi đến nhà anh Dương Văn T ở Thôn 2A, xã E, huyện E, thì M đi vào trong nhà để xin đồ ăn. Khi đi đến hiên nhà anh T thì nhìn thấy phòng khách không có người, trên bàn ở phòng khách, gần cửa ra vào có 02 chiếc điện thoại di động nên M nảy sinh ý định trộm cắp điện thoại di động bán kiếm tiền tiêu xài, M đi lại lấy chiếc điện thoại di động hiệu Vivo 1916 bỏ vào trong áo thì bị anh Dương Văn T nhìn thấy đuổi theo bắt được M cùng chiếc điện thoại di động hiệu Vivo 1916. Sau đó, anh T bàn giao M và tang vật cho Công an xã E lập biên bản bắt người phạm tội quả tang.

Tại Biên bản kết luận định giá tài sản số 437/BB-DGTS ngày 21/5/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện E, kết luận: Chiếc điện thoại di động hiệu Vivo 1916, trị giá 2.700.000 đồng

Tại Cáo trạng số 64/CT-VKS ngày 29 tháng 7 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện E truy tố để xét xử đối với bị cáo Lương Văn M về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố: Bị cáo Lương Văn M phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm h, i, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lương Văn M từ 06 tháng đến 09 tháng tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, ngày 17 tháng 5 năm 2020.

Về xử lý vật chứng: Đối với chiếc điện thoại di động hiệu Vivo 1916 thu giữ khi bắt quả tang Lương Văn M, quá trình điều tra xác định chiếc điện thoại Vivo 1916 là tài sản của anh Dương Văn T nên ngày 27/5/2020 Cơ quan Cảnh sát điều tra đã giao trả cho anh T.

Về dân sự: Bị hại anh Dương Văn T không có yêu gì.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày lời bào chữa: Viện kiểm sát nhân dân huyện E truy tố bị cáo theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là đúng người đúng pháp luật. Tuy nhiên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ là sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tài sản trộm cắp có giá trị không lớn và đã được trả lại cho bị hại; bị cáo là người dân tộc thiểu số, trình độ học vấn thấp nhận thức pháp luật hạn chế. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điểm h, i, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 3 Điều 54 Bộ luật Hình sự. Khoản 5 Điều 328 Bộ luật tố tụng Hình sự. Tuyên phạt bị cáo bằng thời gian bị cáo đã tạm giam và trả tự do cho bị cáo tại phiên tòa.

Tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến gì về cáo trạng và cũng không tranh luận với đại diện Viện kiểm sát, đồng ý với lời bào chữa của Luật sư.

Bị cáo trình bày lời nói sau cùng: Bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện E, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện E, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về nội dung: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa về cơ bản phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp lời khai người bị hại, người làm chứng, phù hợp với biên bản phạm tội quả tang và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác được Cơ quan điều tra thu thập lưu tại hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở để xác định: Vào khoảng 06 giờ ngày 17/5/2020, tại Thôn 2A, xã E, huyện E, Lương Văn M đang có hành vi lén lút trộm cắp 01 chiếc điện thoại di động hiệu Vivo 1916 của anh Dương Văn T thì bị anh T phát hiện, bắt quả tang. Tài sản bị chiếm đoạt trị giá 2.700.000 đồng.

Tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm...”

Như vậy, hành vi lén lút trộm cắp các tài sản nói trên của bị cáo, đủ yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Do

đó, lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện E tại phiên tòa đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát đối với bị cáo tại phiên tòa là có căn cứ pháp luật nên cần chấp nhận. Tuy nhiên mức hình phạt mà Viện kiểm sát đề nghị là cao so với tính chất, mức độ hành vi mà bị cáo đã gây ra.

Xét thấy, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, ngoài việc xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, còn gây mất ổn định về an ninh, trật tự tại địa phương, làm cho người dân hoang mang, lo lắng. Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo có đủ nhận thức biết rõ hành vi phạm tội của bị cáo bị pháp luật nghiêm cấm, nhưng do lười lao động muốn có tiền tiêu sài cùng với ý thức coi thường pháp luật, bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng đối với bị cáo một hình phạt đủ nghiêm để trừng trị, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, có ý thức chấp hành pháp luật và nhằm giáo dục, răn đe, phòng ngừa chung.

[3]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tài sản trộm cắp có giá trị không lớn và đã được trả lại cho bị hại, bị cáo là người dân tộc thiểu số, trình độ học vấn thấp. Do đó, cần áp dụng cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, khi xem xét, quyết định hình phạt đối với bị cáo, để thể tính khoan hồng của pháp luật.

Xét thấy, bị cáo được hưởng ba tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Vì vậy, cần áp dụng Điều 54 của Bộ luật hình sự để quyết định hình phạt nhẹ hơn quy định của khung hình phạt đối với bị cáo.

[4]. Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại anh Lương Văn T không yêu cầu bị cáo bồi thường, nên không đề cập xem xét.

[5]. Về xử lý vật chứng: Chấp nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện E đã giao trả chiếc điện thoại di động hiệu Vivo cho anh Lương Văn T là chủ sở hữu hợp pháp.

[6]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, bị cáo đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Bản Muộng, xã Ngọc Lâm, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An, bị cáo là đồng bào dân tộc thiểu số ở thôn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên miễn án phí Hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Lương Văn M phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm h, i, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 3 Điều 54 Bộ luật Hình sự và khoản 5 Điều 328 Bộ luật tố tụng Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Lương Văn M 03 tháng 08 ngày (Ba tháng tám ngày) tù. Trả tự do cho bị cáo ngay tại phiên tòa, nếu bị cáo không bị giam, giữ về một tội phạm khác.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Chấp nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện E đã giao trả chiếc điện thoại di động hiệu Vivo cho anh Lương Văn T.

Về án phí: Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Lương Văn M miễn nộp 200.000 (Hai trăm nghìn đồng) án phí Hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Viện KSND huyện E;
- Công an huyện E;
- Cơ quan THAHS CA huyện E;
- Chi cục THADS huyện E;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có quyền, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Xuân Cường